

VỀ KHÍA CẠNH VĂN HOÁ TRONG GIÁO HỌC PHÁP NGOẠI NGỮ

TS. Cao Thanh Hương

Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn - ĐHQG Hà Nội

TỔNG QUAN

Nhìn lại lịch sử tiến trình giảng dạy và học ngoại ngữ trên thế giới và ở Việt Nam cùng với những hoạt động thực tế của thầy và trò tại các lớp học tiếng, chúng ta ít nhiều nhận thấy rằng Giáo học pháp ngoại ngữ đang ở điểm giao nhau của các phương pháp. Một khi người ta đang ở ngã tư đường thì có thể đi tất cả các hướng. Tư duy sư phạm có thể và cần phải là diễn đàn của các nhà nghiên cứu, các chuyên gia giáo học pháp, các tác giả biên soạn giáo trình, các cán bộ giảng dạy, các nhà quản lý. Chưa có một phương pháp nào có thể làm thoả mãn được nhu cầu của người học với những mục đích, hết sức đa dạng trong những hoàn cảnh, điều kiện vô cùng khác nhau. *Một phương pháp mẫu nhiệm, vạn năng sẽ không bao giờ có được.* Gạn đục, khơi trong là nguyên tắc giúp người thầy chắt lọc được những gì hữu ích cho lớp học. Chúng ta xuất phát từ thực tiễn công việc giảng dạy hôm nay, kết hợp với kinh nghiệm đã tích lũy qua các thế hệ, tiếp nhận những thành tựu và phương pháp hiện đại để giữ được cân bằng, xác lập được nét riêng, từng bước hoà nhập với trình độ quốc tế để phát triển. Đó chính là luận cứ mà chúng tôi tán đồng và bảo vệ trong giáo học pháp ngoại ngữ sau khi đã nghiên cứu, khảo sát các phương pháp dạy và học ngoại ngữ phổ biến trên thế giới, đặc biệt là từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai: phương pháp *truyền thống*, phương pháp *nghe nói*, phương pháp *cấu trúc tổng thể nghe - nhìn*, phương pháp *giao tiếp*. Các giáo trình tiếng Pháp minh họa tiến triển của ngành giáo học pháp ngoại ngữ được sử

dụng trong nghiên cứu này là: *Voix et Images de France, De Vive Voix, C'est Le Printemps, Archipel, Sans Frontières*. Tuy nhiên, yếu tố con người, thầy và trò, là quyết định. Để lắng nghe họ, thấu hiểu họ, để có những đề xuất sư phạm thích hợp, chúng tôi đã có được hai phương tiện quan sát:

1. 160 bài làm của sinh viên.

2. 22 trả lời của giáo viên bộ môn Tiếng nước ngoài trường ĐHKHXH - NV cho phiếu tham khảo.

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi sẽ không dừng lại với các khảo sát mà vẫn bảo lưu ý tưởng rằng ngôn ngữ vừa là một công cụ, vừa là một tiềm năng. Là công cụ thì phải rèn dũa, là tiềm năng thì phải khơi dậy và phải chấp nhận đa dạng và không đồng đều của các loại năng lực. Người thầy có trách nhiệm lớn trong việc rèn dũa cũng như phát huy năng lực của học sinh. Năng lực giao tiếp bằng ngoại ngữ của người học là kết quả kết hợp của nhiều yếu tố, trong đó những hiểu biết về văn hoá - xã hội có những đóng góp đáng kể. Theo dòng năm tháng, các soạn giả của các giáo trình Tiếng Pháp cho người nước ngoài đã đưa vào một cách đáng kể những yếu tố văn hoá - xã hội Pháp, tạo điều kiện cho người học khám phá đồng thời một ngôn ngữ và một nền văn hoá mới. Mặc dù còn những khiếm khuyết nhất định và những chỉ trích đa dạng hướng về những giáo trình trên, văn hoá đã dần dần có được vị trí. Chúng ta quen dùng thuật ngữ *giáo học pháp ngoại ngữ*, nhưng chúng tôi thật lòng mong muốn thêm vào đó từ *văn hoá*. Như vậy, tên gọi mới thể hiện hết nội dung thông báo và mục tiêu đào tạo.

SƠ LƯỢC VỀ VIỆC GIẢNG DẠY VĂN HOÁ NƯỚC NGOÀI Ở CÁC LỚP NGOẠI NGỮ

Ngôn ngữ không chỉ có chức năng phản ánh hiện thực khách quan, mang trong mình những tri thức của nhân loại, mà còn là thành phần vô cùng quan trọng của nền văn hoá dân tộc. Nói đến ngôn ngữ là nói đến bản sắc văn hoá dân tộc. Bất kỳ ngôn ngữ nào, từ ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng đến tu từ, cũng đều mang đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc. Ngày nay, cùng với sự phát triển của nhiều lĩnh vực đời sống xã hội, quan điểm về dạy/học ngoại ngữ cũng có những thay đổi. Các nhà giáo học

pháp có thể sơ bộ thống nhất với nhau rằng dạy ngoại ngữ là dạy sự tham gia vào quá trình giao tiếp bằng ngoại ngữ. Năng lực ngôn ngữ là cần thiết nhưng chưa đủ để đảm bảo cho người học tham gia vào các hoạt động giao tiếp. Cái cần trang bị là năng lực giao tiếp. Một trong những yếu tố cấu thành quan trọng của năng lực giao tiếp là những hiểu biết về nền văn hoá của đất nước mà chúng ta dạy/học tiếng.

Xu hướng lấy người học làm trung tâm chiếm ưu thế rõ ràng trong hơn hai thập kỷ gần đây. Điều đó là cần thiết và phù hợp với những chuyển biến thường xuyên của việc dạy và học ngoại ngữ. Trung tâm của sự chú ý là người học không có nghĩa là đẩy vai trò người dạy xuống hàng thứ yếu. Câu "Không thầy đố mày làm nên" khẳng định vị trí người của thầy vì chính thầy là người thực hiện quy trình lấy người học làm trung tâm. Hơn nữa, trong bối cảnh giao lưu văn hoá quốc tế ngày càng mạnh mẽ, vấn đề tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hoá thế giới càng có vai trò quan trọng bởi nó không chỉ giúp văn hoá dân tộc hoà nhập với quốc tế mà còn giúp giữ gìn, bảo vệ và phát huy vốn liếng, bản sắc văn hoá dân tộc, thì vai trò của người thầy lại càng không thể bị lu mờ. Chỉ có phát triển mạnh mẽ văn hoá các dân tộc với bản sắc riêng của chúng, văn hoá nhân loại mới trở nên phong phú, đa dạng. Nếu văn hoá của tất cả các dân tộc trên thế giới đều bị mất đi bản sắc riêng, hoặc bị đồng hoá bởi một nền văn hoá, hoặc không được biết đến... thì chắc chắn kho tàng văn hoá nhân loại sẽ nghèo nàn, đơn điệu. Vì vậy, cái chung của văn hoá nhân loại chỉ phong phú khi cái riêng của văn hoá từng dân tộc được coi trọng. Vấn đề bản sắc văn hoá dân tộc, cho đến nay, vẫn là vấn đề mở và đang được tiếp cận từ nhiều góc độ. Nhưng dù từ góc độ nào thì đó cũng là cuộc hành trình đi tìm những nét riêng, sắc thái riêng, bền vững, cốt lõi của một nền văn hoá, mở rộng tầm nhìn, giúp các dân tộc xích lại gần nhau, làm bạn với nhau. Hoạt động giảng dạy và học ngoại ngữ góp phần không nhỏ vào cuộc hành trình này. Khẳng định "Văn hoá là nền tảng tinh thần của một dân tộc, vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển kinh tế xã hội" (Văn kiện Đại hội Đảng VIII) có nghĩa là văn hoá cần được học và được dạy, được đưa vào nhà trường.

Ngôn ngữ và văn hoá có mối quan hệ qua lại mật thiết như hai mặt của một tờ giấy. Ngôn ngữ đồng thời là một bộ phận của văn hoá,

sản phẩm của văn hóa và điều kiện của văn hóa. Giáo học pháp ngoại ngữ đã chú trọng nhiều hơn đến việc dạy văn hoá và khai thác những yếu tố văn hoá khi thừa nhận rằng điều đó không những rất quan trọng cho giao tiếp mà còn là điều kiện tiếp thu ngoại ngữ hữu hiệu đối với người học. Vậy dạy văn hoá ở lớp ngoại ngữ diễn ra như thế nào? Vấn đề gì còn nổi cộm? Quan điểm của các nhà giáo học pháp rất đa dạng. Chúng tôi xin giới thiệu ở đây 4 mô hình để cùng tham khảo :

1. Dạy tiếng nước ngoài và không dạy văn hoá nước ngoài;
2. Dạy văn hoá nước ngoài bằng tiếng mẹ đẻ của người học;
3. Dạy đồng thời tiếng và văn hoá nước ngoài;
4. Dạy riêng văn hoá nước ngoài và dạy riêng tiếng nước ngoài như hai môn học độc lập.

1. Dạy tiếng nước ngoài và không dạy văn hoá nước ngoài

Đây là một mô hình chịu ảnh hưởng của cả hệ thống tư tưởng, chính trị hoặc tôn giáo. Chúng tôi xin đơn cử trường hợp tiếng Pháp và văn hoá Pháp. Về hệ tư tưởng, sau khi giành được độc lập, vì không có ngôn ngữ riêng trên quy mô toàn quốc, một số thuộc địa cũ của Pháp buộc phải sử dụng tiếng Pháp trong nhà trường để ngay lập tức phổ cập giáo dục cho trẻ em. Họ từ chối quyết liệt nền văn hoá Pháp, coi đó là nguồn gốc của tình cảnh thuộc địa mà họ đã phải chịu đựng. Về mặt chính trị, nền văn hoá này được coi như đáng phê phán và có hại đến sự phát triển của nền văn hoá dân tộc. Trên lĩnh vực tôn giáo, họ cố gắng ngăn chặn sao cho thế hệ tương lai khỏi bị ảnh hưởng từ phong tục, tập quán, trang phục, chế độ ăn uống đến lời ăn tiếng nói... của thực dân. Văn hoá Pháp đã bị coi như mối hiểm nguy và chính sách đóng cửa văn hoá cũng đã hình thành và tồn tại. Tuy nhiên, khó có thể loại trừ những tác động qua lại cũng như giao lưu giữa các nền văn hoá và cũng khó có thể phủ nhận hoặc rũ bỏ những tinh hoa văn hoá đáng trân trọng.

2. Dạy văn hoá nước ngoài bằng tiếng mẹ đẻ của người học

Theo quan điểm này, văn hoá nước ngoài được dạy bằng việc cung cấp những thông tin, giải thích, bình luận... liên quan đến các lĩnh vực khoa học: lịch sử, địa lý, văn học, nghệ thuật cũng như các vấn đề xã

hội đã được cân nhắc và chọn lọc để đưa vào chương trình, đặc biệt là cho những người mới học ngoại ngữ. Được nghe giảng bằng tiếng mẹ đẻ, người học có được một số kiến thức nhất định về đất nước mà họ học tiếng, thấy được những nét tương đồng cũng như những khác biệt giữa các nền văn hoá, giữa các dân tộc, chuẩn bị tinh thần khi có điều kiện tiếp xúc hoặc giao lưu. Chẳng hạn không nhất thiết phải dạy bằng tiếng nước ngoài vận hành của mạng lưới bưu điện, của các cửa hàng thực phẩm hay sự phân bố các đơn vị hành chính của một thành phố hay một đất nước. Theo chúng tôi, cũng cần xác định rõ mục đích dạy và học văn hoá, dạy và học những kiến thức văn hoá xã hội. Chúng ta dạy những kiến thức hàn lâm hay dạy để người học áp dụng vào thực hành giao tiếp? Thực tế cho thấy rằng có những nhà nghiên cứu văn hoá vẫn không tránh khỏi những sai lầm nghiêm trọng, gây những hiểu lầm đáng tiếc trong ứng xử, giao tiếp với người nước ngoài. Có những nhà ngôn ngữ am hiểu rất sâu sắc một tiếng nước ngoài nhưng bản thân lại không thể nói lưu loát hoặc viết dễ dàng bằng tiếng nước ngoài đó. Giữa lý thuyết và thực hành luôn luôn có khoảng cách. Chúng tôi chia sẻ quan điểm *tạo khoảng cách gần hay xoá khoảng cách giữa lý thuyết và thực hành* ở lớp học ngoại ngữ. Tuy nhiên, với đối tượng chuyên ngữ hoặc không chuyên ngữ, ngoài môi trường tiếng, điều này không đơn giản. Thêm vào đó, việc dạy môn đất nước học hay văn học sử bằng tiếng mẹ đẻ ở các khoa chuyên ngữ vẫn có lý do để tồn tại.

3. Dạy đồng thời tiếng và văn hoá nước ngoài

Như nhiều nhà giáo học pháp ngoại ngữ đã khẳng định, dạy một ngoại ngữ tức là dẫn dắt người học khám phá và đến với một nền văn hóa khác. Người ta không nói đến việc dạy cái gì trước, cái gì sau nhưng cố gắng tìm thủ pháp thích hợp để xen lồng tiếng và văn hoá nước ngoài vào cùng một quy trình giảng dạy, ngay từ những giờ học đầu tiên và tiếp tục ở giai đoạn nâng cao. Các yếu tố văn hoá - xã hội, lịch sử được đề cập trong và thông qua ngoại ngữ. R. Galisson là người có công đầu trong việc xây dựng và bảo vệ mô hình này. Nhìn lại một số giáo trình tiếng Pháp cho người nước ngoài, chúng tôi nhận thấy rằng ngay từ khi dạy bảng chữ cái, ở những giờ học đầu tiên, giáo viên đã có thể giới thiệu và khai thác được nhiều khía cạnh bổ ích và gây hứng thú cho

người học: A2, EDF, GDF, TGV... Khi học đếm hoặc nói năm tháng, nhiều sự kiện đã không bị bỏ qua hoặc lãng quên: những năm 1789, 1936, ở Pháp hoặc 1945, 1954, 1975... ở Việt Nam. Cũng theo các mốc thời gian, ở trình độ cao, khi đề cập đến nền cộng hoà thứ V, thầy và trò có thể cùng nhau điểm lại:

- 1789: Cách mạng dân chủ tư sản Pháp nổ ra.
- 1791: Nền cộng hoà thứ nhất được thành lập.
- 1848: Nền cộng hoà thứ hai ra đời.
- 1870: Nền cộng hoà thứ ba vừa lập nên thì năm 1871 bị nhân dân Pháp lật đổ và lập ra công xã Paris.
- Sau chiến tranh thế giới thứ hai: Pháp lập nên nền cộng hoà thứ tư...

Được nhiều nhà nghiên cứu và nhiều giáo viên trực tiếp giảng dạy tán đồng, mô hình này đang chiếm ưu thế trong lĩnh vực giáo học pháp ngoại ngữ. Tuy nhiên giải pháp hữu hiệu vẫn là vấn đề mở và cần được đầu tư suy nghĩ dưới góc độ chuyên môn, trách nhiệm và nhân văn. Khác với công nhân làm việc theo dây chuyền hoặc nhà du hành vũ trụ liên tục lệ thuộc vào những điều khiển bên ngoài, người giáo viên ngoại ngữ có được những chủ động nhất định trên lớp. Cùng với giáo trình quy định sử dụng, với khung chương trình được soạn thảo và thông qua, với quỹ thời gian cho phép, người thầy có thể mang đến cho học trò nhiều hơn chúng ta tưởng. Học ngoại ngữ ở ngoài môi trường tiếng, từ phong tục, tập quán, thói quen, ứng xử giao tiếp trong gia đình, ngoài xã hội, cách suy nghĩ, lối sống, những điều cấm kị, lễ hội đến đời sống chính trị, kinh tế ... của đất nước mà họ học tiếng luôn là những mối quan tâm của người học. Ngôn ngữ và văn hoá, tuy hai mà một.

4. Dạy riêng văn hoá nước ngoài và dạy riêng tiếng nước ngoài như hai môn học độc lập

Vẫn thừa nhận mối quan hệ mật thiết giữa ngôn ngữ và văn hoá, L. Porcher và M. A- Pretceille cho rằng, dưới góc độ sư phạm, cần thiết phải tổ chức hai môn học độc lập, rằng kỹ năng thực hành giao tiếp bằng tiếng nước ngoài có thể bao gồm những hiểu biết văn hoá - xã hội của đất nước đó, nhưng không có gì đảm bảo khi đặt ngược lại vấn đề.

Nếu như hiểu biết về văn hoá và ngôn ngữ không đồng bộ, nếu như vẫn kết hợp dạy văn hoá ở các giờ ngoại ngữ thì mảng văn hoá chỉ như bông hoa hay quả anh đào, quả nho, lát dưa trang trí trên chiếc bánh ga - tô. Các tác giả trên gợi ý xây dựng bộ môn giáo học pháp văn hoá nước ngoài cho các đối tượng học tiếng nước ngoài, chú trọng đến *Nhu cầu, Mục tiêu, Tiến độ và Nội dung* môn học. Dù hai tác giả trên có lý đi chăng nữa thì chúng ta cũng phải thừa nhận rằng ở các cơ sở đào tạo ngoại ngữ tại Việt Nam, quỹ thời gian dành cho dạy và học độc lập môn văn hoá nước ngoài vẫn còn rất khiêm tốn. Nhiều nơi, vấn đề này vẫn chưa được đặt ra.

Trên thực tế, chúng ta đang dạy tiếng và văn hoá nước ngoài. Tuy nhiên, việc tách riêng hai yếu tố trên chỉ là hình thức và vì lý do sự phạm hoặc vì sự phân bố thời gian của mỗi tiết học. Đường như mỗi chúng ta đều cố gắng đảm bảo phần nội dung đã được hoạch định và chính trong mục tiêu cần đạt được, lúc ẩn, lúc hiện, lúc đậm đà, lúc mờ nhạt, bản sắc của các nền văn hoá luôn được thể hiện ở mỗi trang giáo trình, mỗi bài tập, mỗi tình huống giao tiếp trong hoặc ngoài môi trường tiếng. Hiểu một nền văn hoá khác sẽ giúp chúng ta học dễ dàng hơn một ngôn ngữ mới và ngược lại.

THAY LỜI KẾT LUẬN

Chúng tôi không có ý định đưa ra những kết luận vội vàng về quan điểm này hay quan điểm khác vì mọi con đường đều dẫn đến Rome, vì không có gì hoàn hảo và vì các mô hình có thể bổ sung lẫn cho nhau những thiếu hụt. Tùy theo điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của việc giảng dạy và học ngoại ngữ, tùy theo nhu cầu của người học, chúng ta sẽ tìm ra giải pháp tối ưu. Không một mô hình nào, không một công thức có sẵn nào lại có thể áp dụng tuyệt đối vào các lớp học ngoại ngữ vốn đã rất đa dạng và đòi hỏi tính sáng tạo, mềm dẻo, linh hoạt khi xử lý các tình huống xảy ra. Điều chúng tôi muốn nói là không thể tách một ngôn ngữ khỏi văn hoá của cộng đồng ngôn ngữ đó, dạy và học văn hoá không phải là một việc làm sự lựa chọn mà là một cấp bách trong bối cảnh hiện nay.

Chúng tôi chỉ nghĩ rằng tất cả những gì đang diễn ra và có thể thực hiện được ở châu Âu hoặc nơi khác chưa chắc đã áp dụng được trong điều kiện của chúng ta hiện nay. Khi giảng dạy ngoại ngữ, chúng ta không thể không chú trọng đến việc tìm hiểu các nền văn hoá nhân loại để có điều kiện truyền đạt lại cho các thế hệ sinh viên. Và lại, bên cạnh những hiểu biết về văn minh, văn hoá, đất nước, con người của nước mình học tiếng, sinh viên của chúng ta càng phải quan tâm nhiều đến văn hoá, đất nước, con người Việt Nam bởi có những giá trị văn hoá Việt Nam mang tính nhân loại, được bạn bè gần xa đón nhận, ngợi ca. Hy vọng rằng vào một thời điểm nào đó của sự phát triển, chúng ta sẽ không chỉ được gọi là giáo viên dạy tiếng nước ngoài mà là giáo viên dạy ngôn ngữ và văn hoá nước ngoài trong một thế giới mà các dân tộc có nguyện vọng xích lại gần nhau. Bên cạnh những mối quan tâm về kinh tế, phát triển, là nguyện vọng hiểu biết nhau hơn và sẵn sàng trao cho nhau những tình cảm chân tình, hữu nghị, là thiện chí đối thoại và giao lưu để bảo vệ các di sản văn hoá thế giới. Tự đào tạo và đào tạo liên tục giúp chúng ta tự tin và vững vàng hơn trong công việc giảng dạy bình dị nhưng khó khăn hàng ngày để vươn tới chất lượng và hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. HỮU NGỌC (chủ biên), 1995, *Từ điển văn hoá cổ truyền Việt Nam*, Nxb Thế Giới, Hà- Nội, 828 tr.
2. TÂN VIỆT, 2000, *Một trăm điều nên biết về phong tục Việt Nam*, Nxb Văn Hoá Dân Tộc, Hà-Nội, 216 tr.
3. ABDALLAH-PRETCEILLE M., 1996, *Vers une pédagogie interculturelle*, Anthropos, Paris, 223p.
4. ABDALLAH-PRETCEILLE M., PORCHER L., 1996, *Éducation et communication interculturelle*, Presses universitaires de France, 192p.
5. BAUMGRATZ-GANGL G., 1993, *Compétence transculturelle et échanges éducatifs*, Hachette, Paris, 163p.

6. BAUTIER E., COSTE D., GALISSON R. et al, 1980, Lignes de force du renouveau actuel en D.L.E. Remembrement de la pensée méthodologique, CLE International, Paris, 143p.
7. BEACCO J-C., 1986, "Méthodes, méthodologies : pour faire le point" in *Le F.D.M.* n° 205, pp 45-50.
8. BERARD E., 1991, *L'approche communicative: Théories et Pratiques*, CLE international, Paris, 126p.
9. BESSE H., GALISSON R., 1980, *Polémique en didactique*, CLE International, Paris, 138p.
10. BESSE H., 1985, *Méthodes et Pratiques des manuels de langues*, Collection Essais, Didier / Crôdif, Paris, 183p.
11. BESSE H., 1989, "De la relative rationalité des discours sur l'enseignement/apprentissage des langues" in *LANGUE FRANCAISE*, n° 82, pp 28-43.
12. BYRAM M., 1992, *Culture et éducation en langue étrangère*, Les Editions Didier, Paris, 230p.